

Số: 86/QĐ-BVTV-PB

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý phân bón,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 67 (sáu mươi bảy) phân bón lưu hành tại Việt Nam (gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam số 2802/QĐ-BVTV-PB ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật và điều chỉnh cho phù hợp QCVN 01-189:2019/BNNPTNT, Danh sách kèm theo) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau

Địa chỉ: Lô D, Khu công nghiệp phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0290 3819 000

Fax: 0290 3590 501

Mã số doanh nghiệp: 2001012298


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2023 đến ngày 15 tháng 01 năm 2028. Quyết định này hủy bỏ và thay thế Quyết định số 2802/QĐ-BVTV-PB ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: QLPB.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC
BẢO VỆ
THỰC VẬT



Huỳnh Tấn Đạt

**DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86/QĐ-BVTV-PB ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Mã số phân bón(*)	Chỉ tiêu chất lượng	Phương thức sử dụng(**)	Hướng dẫn sử dụng	Hạn sử dụng
1	Phân urê	Đạm Cà Mau	03140	Đạm tổng số (N _{ts}): 46,3%; Biuret: 0,99%; Độ ẩm: 0,5%.	Bón rải ^(h,v)	<p>Thích hợp mọi loại đất và mọi loại cây trồng và có thể bón kết hợp với các loại phân bón khác. Lượng bón và thời kỳ bón:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 50-60 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 80-100 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 120-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 200-300 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-500 g/cây/lần (4-6 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-3 lần) - Cà phê, hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản: bón 100-200 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Mùa khô bón 120-170 kg/ha/lần (1-2 lần); Mùa mưa bón 150-180 kg/ha/lần (3-4 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 70-110 kg/ha/lần (bón 1 tháng/lần) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 200-300 kg/ha (chia làm 2-3 lần bón/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) 	36 tháng kể từ ngày sản xuất



						<ul style="list-style-type: none"> - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón thúc 80-120 kg/ha (7-10 ngày sau trồng). Bón thúc 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng và trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 100-200 kg/ha/lần (2 lần: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) 	
2	Phân kali clorua	Kali Cà Mau	03141	Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 60%; Độ ẩm: 1,0%.	Bón rẫy ^(h,v)	<p>Thích hợp mọi loại đất và mọi loại cây trồng, đặc biệt các loại cây lấy củ, trái, hạt và có thể bón kết hợp với các loại phân bón khác. Lượng bón và thời kỳ bón:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 30-50 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 18-22 ngày sau sạ/38-42 ngày sau sạ/trở) - Ngô: 70-80 kg/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng /40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 2-3 tháng sau trồng/ 4-5 tháng sau trồng) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản: 100-300 g/cây/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-400 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón thúc 100-150 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng và trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 70-120 kg/ha/lần (1 - 2 lần: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê, hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản: mùa khô bón 120-170 kg/ha/lần (1-2 lần). Mùa mưa bón 150-180 kg/ha/lần (3-4 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa). Giai đoạn kiến thiết cơ bản: bón 100-200 g/cây/lần (3-4 lần/năm: mùa khô/đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 50-100 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

						- Cao su (giai đoạn kinh doanh): 70-120 kg/ha/lần (2 lần/năm: đầu mùa mưa/cuối mùa mưa)	
3	Phân bón vô cơ nhiều thành phần	Phân bón N.HUMAT E+TE Cà Mau	03142	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 35%; Chất hữu cơ: 9%; Axit humic (C): 4,07%; TE: - Kẽm (Zn): 1.000 ppm; - Bo (B): 400 ppm; Độ ẩm: 4%.</p>	Bón rễ ^(h,v)	<p>Thích hợp mọi loại đất và mọi loại cây trồng và có thể bón kết hợp với các loại phân bón khác. Lượng bón và thời kỳ bón: - Lúa: 40-50 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 60-80 kg/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng /40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 100-150 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/ 2-3 tháng sau trồng/ 4-5 tháng sau trồng) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 200-300 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-500 g/cây/lần (4-6 lần/năm: Sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 80-120 kg/ha (7-10 ngày sau trồng); Bón 150-180 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1 - 2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 100-150 kg/ha/lần (7-10 ngày sau trồng/20-25 ngày sau trồng) - Cà phê, hồ tiêu: Giai đoạn kinh doanh, mùa khô bón 120-170 kg/ha/lần (1-2 lần). Mùa mưa bón 140-200 kg/ha/lần (3-4 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa). Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 g/cây/lần (3-4 lần/năm: mùa khô/đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 50-100 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 80-120 kg/ha/lần (2 lần/năm: đầu mùa mưa/cuối mùa mưa)</p>	24 tháng kể từ ngày sản xuất

4	Phân urê có chất tăng hiệu suất sử dụng	N46.PLUS Cà Mau	03143	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 46,0%; N-(n-butyl) thiophosphoric triamide (NBPT): 230 ppm;⁽¹⁾ Dicyandiamide (DCD): 950 ppm;⁽²⁾ Biuret: 0,99%; Độ ẩm: 1,0%.</p>	Bón rễ ^(h,v)	<p>Thích hợp mọi loại đất và mọi loại cây trồng và có thể bón kết hợp với các loại phân bón khác. Lượng bón và thời kỳ bón: - Lúa: 50-60 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 80-100 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 100-130 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 200-300 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-6 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 80-120 kg/ha (7-10 ngày sau trồng). Bón thúc 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng và trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 100-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7- 10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê, hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản: mùa khô bón 120-170 kg/ha/lần (1-2 lần). Mùa mưa bón 120-200 kg/ha/lần (3-4 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa). Giai đoạn kiến thiết cơ bản: bón 100-200 g/cây/lần (3-4 lần/năm: mùa khô/đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 50-100 kg/ha/lần (bón 1 tháng/lần). - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 200-300 kg/ha (chia làm 2-3 lần bón/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p>	24 tháng kể từ ngày sản xuất
---	---	--------------------	-------	--	-------------------------	---	------------------------------

5	Phân urê	N46. C+ Cà Mau	03144	Đạm tổng số (N _{ts}): 46,0%; Biuret: 0,99%; Độ ẩm: 1,0%.	<p>Thích hợp mọi loại đất và mọi loại cây trồng và có thể bón kết hợp với các loại phân bón khác. Lượng bón và thời kỳ bón:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 50-60 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 80-100 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 100-130 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm) Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 200-300 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-6 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 80-120 kg/ha (7-10 ngày sau trồng). Bón 150-200 kg/ha/lần (thúc 2-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng và trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 120-180 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7- 10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê, hồ tiêu: Giai đoạn kinh doanh, mùa khô bón 120-170 kg/ha/lần (1-2 lần/năm). Mùa mưa bón 150-180 kg/ha/lần (3-4 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa). Giai đoạn kiến thiết cơ bản 100-200 g/cây/lần (3-4 lần/năm: mùa khô/đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 50-100 kg/ha/lần (bón 1 tháng/lần). - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 200-300 kg/ha; chia làm 2-3 lần bón/năm (đầu mùa mưa/giữa mùa 	36 tháng kể từ ngày sản xuất
---	----------	-------------------	-------	--	---	------------------------------------

6	Phân diamoni phosphat (DAP)	DAP Cà Mau 18-46	03145	Đạm tổng số (N _{ts}): 18%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5hh}): 46%; Cadimi (Cd): 12 ppm; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	<p>mưa/cuối mùa mưa)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thích hợp mọi loại đất và mọi loại cây trồng, đặc biệt thúc đẩy đẻ nhánh, đâm chồi; phát triển hoa, trái và phát triển hạt. Có thể bón kết hợp với các loại phân bón khác. Lượng bón và thời kỳ bón: - Lúa: 80-100 kg/ha/vụ (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ) - Ngô: 80-110 kg/ha/lần (2 lần/vụ: Bón lót hoặc 7-10 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 100-120 kg/ha/lần (2 lần/vụ: Lót hoặc 15-20 ngày sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-300 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-500 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 80-120 kg/ha (lót hoặc 7-10 ngày sau trồng). Bón 150-200 kg/ha/lần (thúc 2-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng và trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 80-100 kg/ha/lần (2 lần/vụ: bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng/ 20-25 ngày sau trồng) - Cà phê, hồ tiêu: giai đoạn kinh doanh, mùa khô bón 100-150 kg/ha/lần (1 lần). Mùa mưa bón 150-180 kg/ha/lần (1-2 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa). Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 g/cây/lần (3-4 lần/năm: mùa khô/đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 50-100 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 70-100 kg/ha/lần, 2 lần/năm (đầu mùa mưa/cuối mùa 	36 tháng kể từ ngày sản xuất
---	-----------------------------	------------------	-------	---	-------------------------	---	------------------------------

						mưa)	
7	Phân bón NPK-vi lượng	NPK Cà Mau 16-16-8+13S+TE	03146	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P₂O_{5hh}): 16%; Kali hữu hiệu (K₂O_{hh}): 8%; Lưu huỳnh (S): 13%; TE: - Kẽm (Zn): 500 ppm; - Bo (B): 500 ppm; Độ ẩm: 1,5%.</p>	Bón rễ ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 300-400 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-400 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đên bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tía cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p> <p>– Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p> <p>– Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch)</p> <p>– Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p>		
8	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 10-26-26	03147	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 10%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 26%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 26%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rễ ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <p>– Mía: Giai đoạn vuron lóng bón 300-400 kg/ha/lần (4-5 tháng sau trồng)</p> <p>– Cà phê: giai đoạn trái phát triển bón 500-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p> <p>– Hồ tiêu: giai đoạn trái phát triển bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p> <p>– Cây ăn trái: giai đoạn trái phát triển bón 300-600 g/lần/năm (3-4 lần/năm: sau đậu trái/trái phát triển bón 2-3 lần)</p> <p>– Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng). Bón thúc 200-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần)</p>	36 tháng kể từ ngày sản xuất
9	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 11-19-15	03148	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 11%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 19%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 15%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rễ ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <p>- Lúa: 120-180 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ)</p> <p>- Mía: Giai đoạn vuron lóng bón 300-400 kg/ha/lần</p>	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>(2 lần/vụ: 2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển bón 500-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần, 2 lần/năm (đầu và cuối mùa mưa) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm) bón 200-600 g/cây/lần (4-6 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: sau đậu trái/trái phát triển bón 1 - 2 lần) 	
10	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 15-12-18	03149	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 15%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 12%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 18%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	<p>Bón rải^(h,v)</p> <p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 150-200 kg/ha (Bón đón đồng: 38-42 ngày sau sạ) - Mía: giai đoạn vuron lóng 300-400 kg/ha/lần (1-2 lần/năm: 2-3 tháng/ 4-5 tháng sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển bón 500-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm) bón 200-600 g/cây/lần (4-6 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: sau đậu trái/trái phát 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

						triển bón 1 - 2 lần)	
11	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 15-5-20	03150	Đạm tổng số (N_{ts}): 15%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 5%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 20%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rẽ ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 160-200 kg/ha (Bón đón đồng: 38-42 ngày sau sạ) - Mía: Giai đoạn vuron lóng bón 300-400 kg/ha (4-5 tháng sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển bón 500-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn trái phát triển 500-700 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau đậu trái/ trái phát triển bón 2-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: sau đậu trái/trái phát triển bón 1 - 2 lần) 	36 tháng kể từ ngày sản xuất
12	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 15-5-25	03151	Đạm tổng số (N_{ts}): 15%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 5%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 25%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rẽ ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 100-150 kg/ha (Bón đón đồng: 38-42 ngày sau sạ) - Mía: Giai đoạn vuron lóng bón 300-400 kg/ha (4-5 tháng sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển 500-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn trái phát triển 500-700 g/cây/lần (3-5 lần/năm: sau đậu trái/ trái phát triển bón 2-4 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: sau đậu trái/trái phát 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

						triển bón 1 - 2 lần)	
13	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 16-16-10	03152	Đạm tổng số (N_{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 16%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 10%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	Chuyên dùng cho cây lúa. Lượng bón và thời kỳ bón: 130-160 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/38-42 ngày sau sạ)	36 tháng kể từ ngày sản xuất
14	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 16-16-12	03153	Đạm tổng số (N_{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 16%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 12%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	Chuyên dùng cho cây lúa. Lượng bón và thời kỳ bón: 130-160 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/38-42 ngày sau sạ)	36 tháng kể từ ngày sản xuất
15	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 16-7-17	03154	Đạm tổng số (N_{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 7%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 17%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng: - Cà phê: giai đoạn trái phát triển bón 400-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/ giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Mía: Giai đoạn vươn lóng bón 300-400 kg/ha (4-5 tháng sau trồng) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn trái phát triển bón 300-600 g/cây/lần (3-5 lần/năm: sau đậu trái/trái phát triển bón 2-4 lần) Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: sau đậu trái/trái phát triển bón 1 - 2 lần)	36 tháng kể từ ngày sản xuất
16	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 16-8-16	03155	Đạm tổng số (N_{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 8%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 16%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng: - Lúa: 150-180 kg/ha (bón đốn đòng: 38-42 ngày sau sạ) - Mía: Giai đoạn vươn lóng bón 300-400 kg/ha (4-5 tháng sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển bón 400-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa	36 tháng kể từ ngày sản xuất

						<p>mưa/cuối mùa mưa)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn trái phát triển bón 300-600 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau đậu trái/trái phát triển bón 2-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Giai đoạn trái phát triển 150-200 kg/ha/lần (sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần) 	
17	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 16-8-22	03156	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 8%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 22%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rễ ^(h,v)	<p>Chuyên dùng cho cây ăn trái, cà phê, hồ tiêu giai đoạn trái phát triển:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cây ăn trái: bón 300-600 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau đậu trái/trái phát triển bón 2-3 lần) - Cà phê, hồ tiêu: 400-600 kg/ha/lần (3-4 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) 	36 tháng kể từ ngày sản xuất
18	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 17-7-17	03157	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 17%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 7%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 17%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rễ ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển bón 400-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn trái phát triển bón 300-600 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau đậu trái/trái phát triển bón 2-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Giai đoạn trái phát triển 150-200 kg/ha/lần (sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần) 	36 tháng kể từ ngày sản xuất
19	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 18-16-8	03158	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 18%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 16%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 8%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rễ ^(h,v)	<p>Chuyên dùng cho cây lúa, bón thúc lần 1 và thúc lần 2. Lượng sử dụng: 120-180 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/ 18-22 ngày sau sạ)</p>	36 tháng kể từ ngày sản xuất
20	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 18-18-18	03159	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 18%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 18%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 18%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rễ ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 100-140 kg/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>khí trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mía: 250-300 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-220 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-450 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đùn bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tia cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/ trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1 - 2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) 	
--	--	--	--	--	---	--

						<ul style="list-style-type: none"> - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) 	
21	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 18-6-18	03160	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 18%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 6%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 18%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rẽ ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 250-350 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn trái phát triển bón 300-600 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau đậu trái/trái phát triển bón 2-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Giai đoạn trái phát triển 150-200 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ) - Lúa: 120-160 kg/ha (bón đón đồng: 38-42 ngày sau sạ) 	36 tháng kể từ ngày sản xuất
22	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 20-10-10	03161	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 10%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 10%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rẽ ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 120-160 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ) - Mía: 250-350 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-200 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 kg/lần; mùa mưa bón 400-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: mùa khô/đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p> <p>– Cao su (giai đoạn kinh doanh): 200-250 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p> <p>– Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 200-300 g/cây/lần (4 lần/năm). Giai đoạn kinh doanh 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển)</p> <p>- Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1 - 2 lần)</p> <p>- Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng)</p>	
23	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 20-20-15	03162	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 20%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 15%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	<p>Bón rẽ^(h,v)</p> <p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <p>- Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ)</p> <p>- Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng)</p> <p>- Mía: 250-350 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng)</p> <p>- Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-400 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đên bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tỉa cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo)</p> <p>– Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350</p>	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) <p>Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p>	
24	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 20-5-5	03163	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 5%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 5%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	<p>Bón rẫy^(h,v)</p> <p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 80-120 kg/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ) - Ngô: 150-200 kg/lần (Lót hoặc 10-15 ngày sau trồng) - Cà phê-hồ tiêu mùa khô: Bón 200-250 kg/ha/lần (1-2 lần) - Cây ăn trái: giai đoạn cây con bón 150 - 300 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

						g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: 300-600 g/cây/lần (sau thu hoạch bón 1-2 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 150-200 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng) - Rau ăn lá: 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần: bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng /20-30 ngày sau trồng)	
25	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 22-5-6	03164	Đạm tổng số (N _{ts}): 22%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5hh}): 5%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 6%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	Chuyên dùng cho mùa khô - Cà phê: 150-300 kg/ha/lần (1-2 lần) - Hồ tiêu: 150-300 g/trụ/lần (1-2 lần)	36 tháng kể từ ngày sản xuất
26	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 26-6-8	03165	Đạm tổng số (N _{ts}): 26%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5hh}): 6%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 8%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	- Lúa: 120-150 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ) - Ngô: 150-250 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7- 10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng) - Mía: 250-350 kg/ha/lần (2 lần/vụ: bón lót hoặc 10 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-450 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đên bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tía cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/ trái phát triển bón 1-2 lần)	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<ul style="list-style-type: none"> - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) Cà phê, hồ tiêu (giai đoạn kinh doanh): Phân bón mùa khô 150-250 kg/ha/lần (1-2 lần/năm) 	
27	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 27-7-7	03166	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 27%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 7%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 7%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	<p>Bón rễ^(h,v)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng: - Lúa: 120-150 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ) - Ngô: 150-250 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7- 10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng) - Mía: 250-350 kg/ha/lần (2 lần/vụ: bón lót hoặc 10 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-450 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đèn bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tia cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/ trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê, hồ tiêu (giai đoạn kinh doanh): Phân bón mùa khô 200-250 kg/ha/lần (1-2 lần/năm) Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

						kỳ thu hoạch)	
28	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 30-9-9	03167	Đạm tổng số (N_{ts}): 30%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 9%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 9%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 100-150 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ) - Ngô: 150-250 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7- 10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng) - Mía: 250-350 kg/ha/lần (2 lần/vụ: bón lót hoặc 10 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-300 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-500 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/trước ra hoa/sau đậu trái/ trái phát triển) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-200 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/ trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 100-160 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê, hồ tiêu (giai đoạn kinh doanh): Phân bón mùa khô 200-250 kg/ha/lần (1-2 lần/năm) - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) 	36 tháng kể từ ngày sản xuất
29	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 20-10-15	03168	Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 10%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 15%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	Chuyên dùng cho cây ăn trái giai đoạn trái phát triển: bón 300-600 g/cây/lần (3-5 lần/năm: sau đậu trái/trái phát triển bón 2-4 lần).	36 tháng kể từ ngày sản xuất
30	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 19-9-19	03169	Đạm tổng số (N_{ts}): 19%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 9%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 19%; Độ ẩm: 1,5%.	Bón rễ ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 100-120 kg/ha (Bón đón đòng: 38- 42 ngày sau sạ) - Cà phê: giai đoạn trái phát triển bón 500-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

						<p>mưa/cuối mùa mưa)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ tiêu: giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cây ăn trái: 300-600 g/cây/lần (3-5 lần/năm: sau đậu trái/trái phát triển bón 2-4 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Giai đoạn trái phát triển 150-200 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ) 	
31	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 16-16-8	03170	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 16%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 8%; Độ ẩm: 1,5%.</p>	Bón rải ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 300-400 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-400 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đên bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tia cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng/20-30 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>ngày sau trồng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) 	
32	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 16-16-13	03171	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 16%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 13%; Độ ẩm: 1,5%.</p>	<p>Bón rễ^(h,v)</p> <p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau s s38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 80-100 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7- 10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 300-400 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-450 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đền bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tía cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/ trái phát triển bón 1-2 lần)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/ trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 400-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 400-600 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa): - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) 	
33	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 15-15-15+10S	03173	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 15%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 15%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 15%; Lưu huỳnh (S): 10%; Độ ẩm: 1,5%.</p>	<p>Bón rải^(h,v)</p> <p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 250-350 kg/ha/lần (2 - 3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100- 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-400 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đên bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tỉa cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo)</p> <p>- Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần)</p> <p>- Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần)</p> <p>- Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng)</p> <p>- Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p> <p>- Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p> <p>- Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch)</p> <p>- Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p>		
34	Phân bón	NPK Cà	03174	Đạm tổng số (N _{ts}): 15%;	Bón rải ^(h,v)	Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:	36 tháng

	NPK-vi lượng	Mau 15-15- 15+10S+TE	Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 15%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 15%; Lưu huỳnh (S): 10%; TE: - Kẽm (Zn): 1.000 ppm; - Bo (B): 500 ppm; - Độ ẩm: 2,0%.	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 250-350 kg/ha/lần (2 - 3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-400 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đùn bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tia cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh 	kể từ ngày sản xuất
--	-----------------	----------------------------	--	--	------------------------

						<p>doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p> <p>– Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch)</p> <p>- Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p>	
35	Phân bón NPK-vi lượng	NPK Cà Mau 16-16-8+TE	03176	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 16%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 16%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 8%; TE: - Kẽm (Zn): 1.000 ppm; - Bo (B): 500 ppm; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rải ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <p>– Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ)</p> <p>- Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng)</p> <p>- Mía: 300-400 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng)</p> <p>- Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-400 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đên bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tía cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo)</p> <p>– Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần)</p> <p>- Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần)</p> <p>- Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau</p>	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>trồng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) 		
36	Phân bón NPK-vi lượng	NPK Cà Mau 20-10-15+TE	03177	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 10%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 15%; TE: - Kẽm (Zn): 1.000 ppm; - Bo (B): 500 ppm; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rễ ^(h,v)	<p>Chuyên dùng cho cây cà phê, hồ tiêu giai đoạn trái phát triển:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà phê: Bón 400-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Bón 300-600 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa). 	36 tháng kể từ ngày sản xuất
37	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 15-10-20 +2,2Ca+1,2Mg	03178	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 15%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 10%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 20%; Canxi (Ca): 2,2%; Magie (Mg): 1,2%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rễ ^(h,v)	<p>Chuyên dùng cho cây ăn trái giai đoạn trái phát triển: Bón 300-600 g/cây/lần (3-5 lần/năm: sau đậu trái/ trái phát triển bón 2-4 lần).</p>	36 tháng kể từ ngày sản xuất
38	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 18-16-8+TE	03179	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 18%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 16%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 8%; Canxi (Ca): 2,2%; Magie (Mg): 1,2%;</p>	Bón rễ ^(h,v)	<p>Chuyên dùng cho cây ăn trái: Bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch/sau đậu trái/ trái phát triển bón 2-3 lần).</p>	36 tháng kể từ ngày sản xuất

				TE: - Kẽm (Zn): 500 ppm; - Bo (B): 400 ppm; Độ ẩm: 2,0%.			
39	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau 18-8-16+TE	03180	Đạm tổng số (N _{ts}): 18%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5hh}): 8%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 16%; Canxi (Ca): 2,2% ; Magie (Mg): 1,2%; TE: - Kẽm (Zn): 500 ppm; - Bo (B): 400 ppm; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rẽ ^(h,v)	Chuyên dùng cho cây ăn trái giai đoạn trái phát triển: Bón 300-600 g/cây/lần (3-5 lần/năm: sau đậu trái/ trái phát triển bón 2-4 lần).	36 tháng kể từ ngày sản xuất
40	Phân bón NPK-vi lượng	NPK Cà Mau 15-15-15+TE	03182	Đạm tổng số (N _{ts}): 15%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5hh}): 15%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 15%; Lưu huỳnh (S): 10%; Magie (Mg): 1%; TE: - Kẽm (Zn): 1.000 ppm; - Bo (B): 500 ppm; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rẽ ^(h,v)	Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng: - Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 250-350 kg/ha/lần (2 - 3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-400 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đên bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tia cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần)	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<ul style="list-style-type: none"> - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) 		
41	Phân bón NPK-vi lượng	NPK Cà Mau 20-10-15 +1Mg+TE	03183	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5nh}): 10%; Kali hữu hiệu (K_2O_{nh}): 15%; Magie (Mg): 1%; TE: - Kẽm (Zn): 800 ppm; - Bo (B): 500 ppm; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rẫy ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 100-150 kg/ha (Bón đón đồng: 38-42 ngày sau sạ) - Mía: Giai đoạn vuron lóng bón 300-400 kg/ha (2 lần/vụ: 2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển bón 300-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 300- 500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 200-250 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>chu kỳ thu hoạch)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-250 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-300 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau đậu trái/ trái phát triển bón 2-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần) 		
42	Phân bón NPK-vi lượng	NPK Cà Mau 20-15-7 +1Mg+TE	03184	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P₂O_{5hh}): 15%; Kali hữu hiệu (K₂O_{hh}): 7%; Magie (Mg): 1%; TE: - Kẽm (Zn): 800 ppm; - Bo (B): 500 ppm; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rẽ ^(h.v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 100-150 kg/ha/lần (2 - 3 lần/vụ: 7- 10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 250-350 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản 150-300 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển): - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<ul style="list-style-type: none"> - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/trụ/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/trụ; Mùa mưa bón 400-600 kg/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) 	
43	Phân bón NPK-vi lượng	NPK Cà Mau 16-16-8+13S +1Mg+0,1B	03185	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P₂O_{5hh}): 16%; Kali hữu hiệu (K₂O_{hh}): 8%; Lưu huỳnh (S): 13%; Magie (Mg): 1%; Bo (B): 1.000 ppm; Độ ẩm: 1,5%.</p>	<p>Bón rễ^(h,v)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 300-400 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-400 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đèn bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tia cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) 	
44	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 11-26-26	03186	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 11%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 26%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 26%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	<p>Bón rải^(h,v)</p> <p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mía: Giai đoạn vuron lóng bón 300-400 kg/ha/lần (4-5 tháng sau trồng) - Cà phê: giai đoạn trái phát triển bón 500-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: giai đoạn trái phát triển bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cây ăn trái: giai đoạn trái phát triển bón 300-600 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

						g/lần/năm (3-4 lần/năm: sau đậu trái/trái phát triển bón 2-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: sau đậu trái/trái phát triển bón 1 - 2 lần)	
45	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 10-20-15	03187	Đạm tổng số (N_{ts}): 10%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 20%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 15%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng: - Lúa: 120-180 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Mía: Giai đoạn vươn lóng bón 300-400 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển bón 500-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần, 2 lần/năm (đầu và cuối mùa mưa) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm) bón 200-600 g/cây/lần (4-6 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: sau đậu trái/trái phát triển bón 1 - 2 lần)	36 tháng kể từ ngày sản xuất
46	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 15-12-19	03188	Đạm tổng số (N_{ts}): 15%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 12%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 19%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng: - Lúa: 150-200 kg/ha (Bón đốn đòng: 38-42 ngày sau sạ) - Mía: giai đoạn vươn lóng 300-400 kg/ha/lần (1-2 lần/năm: 2-2,5 tháng/ 4-5 tháng sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển bón 500-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)	36 tháng kể từ ngày sản xuất

						<ul style="list-style-type: none"> - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm) bón 200-600 g/cây/lần (4-6 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: sau đậu trái /trái phát triển bón 1 - 2 lần) 	
47	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 15-6-20	03189	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 15%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 6%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 20%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rải ^(h,v)	<ul style="list-style-type: none"> Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng: - Lúa: 160-200 kg/ha (Bón đón đồng: 38-42 ngày sau sạ) - Mía: Giai đoạn vươn lóng bón 300-400 kg/ha (4-5 tháng sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển bón 500-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn trái phát triển 500-700 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau đậu trái/ trái phát triển bón 2-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng và trái phát triển bón 1 - 2 lần) 	36 tháng kể từ ngày sản xuất
48	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 15-6-25	03190	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 15%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 6%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 25%; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rải ^(h,v)	<ul style="list-style-type: none"> Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng: - Lúa: 120-150 kg/ha (Bón đón đồng: 38-42 ngày sau sạ) - Mía: Giai đoạn vươn lóng bón 300-400 kg/ha (4-5 tháng sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển 500-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa 	36 tháng kể từ ngày sản xuất



						<p>mưa/cuối mùa mưa)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn trái phát triển 500-700 g/cây/lần (3-5 lần/năm: sau đậu trái/ trái phát triển bón 2-4 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón thúc 200-250 kg/ha/lần (2-4 lần/vụ: sau đậu trái/ trái phát triển bón 2-3 lần) 	
49	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 18-18-6	03191	Đạm tổng số (N _{ts}): 18%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5hh}): 18%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 6%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	Chuyên dùng cho cây lúa: Bón 140-180 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/38-42 ngày sau sạ)	36 tháng kể từ ngày sản xuất
50	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 17-17-12	03192	Đạm tổng số (N _{ts}): 17%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5hh}): 17%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 12%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	Chuyên dùng cho cây lúa: Bón 140-180 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/38-42 ngày sau sạ)	36 tháng kể từ ngày sản xuất
51	Phân bón NPK-vi lượng	NPK Cà Mau Gold 16-16-8+13S+TE	03193	Đạm tổng số (N _{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5hh}): 16%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 8%; Lưu huỳnh (S): 13%; TE: - Kẽm (Zn): 1.100 ppm; - Bo (B): 600 ppm; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 300-400 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-400 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đèn bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tỉa cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) <p>Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p>		
52	Phân bón NPK-vi lượng	NPK Cà Mau Gold 16-16-8+TE	03194	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 16%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 16%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 8%; TE: - Kẽm (Zn): 1.100 ppm; - Bo (B): 600 ppm; Độ ẩm: 2,0%.</p>	Bón rễ ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 300-400 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<ul style="list-style-type: none"> - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-400 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đèn bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tia cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)
--	--	--	--	--	---

53	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 18-8-18	03195	Đạm tổng số (N_{ts}): 18%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 8%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 18%; Độ ẩm: 2,0%.	Bón rễ ^(h,v)	Chuyên dùng cho cây ăn trái, cà phê: - Cây ăn trái: Giai đoạn trái phát triển bón 300-600 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau đậu trái/trái phát triển bón 2-3 lần) - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển bón 400-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)	36 tháng kể từ ngày sản xuất
54	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 16-10-16	03196	Đạm tổng số (N_{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 10%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 16%; Độ ẩm: 2%.	Bón rễ ^(h,v)	Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng: - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ//lần; (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 250-350 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn trái phát triển bón 300-600 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau đậu trái/trái phát triển bón 2-3 lần)	36 tháng kể từ ngày sản xuất
55	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 17-6-17	03197	Đạm tổng số (N_{ts}): 17%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 6%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 17%; Độ ẩm: 2%.	Bón rễ ^(h,v)	Chuyên dùng cho các loại cây ăn trái giai đoạn trái phát triển: Bón 400-500 g/cây/lần (3-5 lần/năm: sau đậu trái/ trái phát triển bón 2-4 lần). Chuyên dùng cho cây lúa. Lượng sử dụng: 150-200 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/ 18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ).	36 tháng kể từ ngày sản xuất
56	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 20-15-8	03199	Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 15%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 8%; Độ ẩm: 2%.	Bón rễ ^(h,v)	Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng: - Lúa: 100-140 kg/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 250-300 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau	36 tháng kể từ ngày sản xuất



					<p>trồng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-220 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-450 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đên bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tia cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/ trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1 - 2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối
--	--	--	--	--	--

						mùa mưa)	
57	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 18-18-18	03200	Đạm tổng số (N_{ts}): 18%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 18%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 18%; Kẽm (Zn): 100 ppm; Bo (B): 100 ppm; Độ ẩm: 2%.	Bón rễ ^(h,v)	Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng: - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 250-350 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn trái phát triển bón 300-600 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau đậu trái/trái phát triển bón 2-3 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng và trái phát triển bón 1 - 2 lần) - Lúa: 120-160 kg/ha (bón đốn đồng: 38-42 ngày sau sạ)	36 tháng kể từ ngày sản xuất
58	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 18-6-18	03201	Đạm tổng số (N_{ts}): 18%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 6%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 18%; Kẽm (Zn): 100 ppm; Bo (B): 100 ppm; Độ ẩm: 2%.	Bón rễ ^(h,v)	Chuyên dùng cho cây ăn trái: - Giai đoạn cây con: bón 200-300 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần) - Giai đoạn kinh doanh: bón 300-600 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau đậu trái/trái phát triển bón 2-3 lần)	36 tháng kể từ ngày sản xuất
59	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 18-8-16	03202	Đạm tổng số (N_{ts}): 18%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 8%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 16%; Độ ẩm: 2%.	Bón rễ ^(h,v)	Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng: - Lúa: 120-160 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ) - Mía: 250-350 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-200 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 kg/lần; mùa mưa bón 400-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: mùa khô/đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 200-250 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 200-300 g/cây/lần (4 lần/năm). Giai đoạn kinh doanh 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) 	
60	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 20-10-10	03203	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P₂O_{5hh}): 10%; Kali hữu hiệu (K₂O_{hh}): 10%; Kẽm (Zn): 100 ppm; Bo (B): 100 ppm; Độ ẩm: 2%.</p>	<p>Bón r_ẽ^(h,v)</p> <p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 250-350 kg/ha/lần (2 - 3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-400 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đèn bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tia cành/lúc ra nụ/lúc hoa) 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>héo)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng). Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) 		
61	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 20-20-15	03204	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu ($P_{2}O_{5hh}$): 20%; Kali hữu hiệu ($K_{2}O_{hh}$): 15%; Kẽm (Zn): 100 ppm; Bo (B): 100 ppm;</p>	Bón r \tilde{e} ^(h,v)	<p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày 	36 tháng kể từ ngày sản xuất



				Độ ẩm: 2%.	<p>sau khi trồng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mía: 250-350 kg/ha/lần (2 - 3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-400 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đên bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tủa cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo
--	--	--	--	------------	---

						chu kỳ thu hoạch) Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)	
62	Phân bón NPK-vi lượng	NPK Cà Mau Gold 20-20-15+TE	03205	Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 20%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 15%; TE: - Kẽm (Zn): 1.000 ppm; - Bo (B): 500 ppm; Độ ẩm: 2%.	Bón rải ^(h,v)	Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng: - Lúa: 80-120 kg/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ) - Ngô: 150-200 kg/lần (Lót hoặc 10-15 ngày sau trồng) - Cà phê-hồ tiêu mùa khô: Bón 200-250 kg/ha/lần (1-2 lần) - Cây ăn trái: giai đoạn cây con bón 150 - 300 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: 300-600 g/cây/lần (sau thu hoạch bón 1-2 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 150-200 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng) Rau ăn lá: 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần: bón lót hoặc sau trồng 7-15 ngày/20-30 ngày)	36 tháng kể từ ngày sản xuất
63	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 20-5-5	03206	Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 5%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 5%; Kẽm (Zn): 100 ppm; Bo (B): 100 ppm; Độ ẩm: 2%.	Bón rải ^(h,v)	Chuyên dùng cho mùa khô: - Cà phê: 150-300 kg/ha/lần (1-2 lần) - Hồ tiêu: 150-300 g/trụ/lần (1-2 lần)	36 tháng kể từ ngày sản xuất
64	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 22-5-6	03207	Đạm tổng số (N_{ts}): 22%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 5%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 6%; Kẽm (Zn): 100 ppm; Bo (B): 100 ppm; Độ ẩm: 2%.	Bón rải ^(h,v)	Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng: - Lúa: 120-150 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ) - Ngô: 150-250 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7- 10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng) - Mía: 250-350 kg/ha/lần (2 lần/vụ: bón lót hoặc 10-15 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn	36 tháng kể từ ngày sản xuất



					<p>kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-450 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đèn bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tía cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/ trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) <p>Cà phê, hồ tiêu (giai đoạn kinh doanh): Phân bón mùa khô 150-250 kg/ha/lần (1-2 lần/năm)</p>	
65	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 26-6-8	03208	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 26%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 6%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 8%; Kẽm (Zn): 100 ppm; Bo (B): 100 ppm; Độ ẩm: 2%.</p>	<p>Bón rẽ^(h,v)</p> <p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 120-150 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ) - Ngô: 150-250 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7- 10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng) - Mía: 250-350 kg/ha/lần (2 lần/vụ: bón lót hoặc 10 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-450 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đèn bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tía cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/ trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê, hồ tiêu (giai đoạn kinh doanh): Phân bón mùa khô 200-250 kg/ha/lần (1-2 lần/năm) 	
66	Phân bón hỗn hợp NPK	NPK Cà Mau Gold 28-8-8	03209	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 28%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 8%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 8%; Độ ẩm: 2%.</p>	<p>Bón rễ^(h,v)</p> <p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng) - Mía: 300-400 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-400 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đên bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tỉa cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo) - Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần) - Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<p>kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) 	
67	Phân bón NPK-vi lượng	NPK Cà Mau Gold 18-16-8+13S+TE	03210	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 18%; Lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$): 16%; Kali hữu hiệu ($K_{2O_{hh}}$): 8%; Lưu huỳnh (S): 13%; TE: - Kẽm (Zn): 1.000 ppm; - Bo (B): 500 ppm; Độ ẩm: 2%.</p>	<p>Bón rải^(h,v)</p> <p>Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa: 120-180 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ) - Mía: Giai đoạn vươn lóng bón 300-400 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng) - Cà phê: Giai đoạn trái phát triển bón 500-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Hồ tiêu: Giai đoạn trái phát triển bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa) - Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					kg/ha/lần, 2 lần/năm (đầu và cuối mùa mưa) – Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm) bón 200-600 g/cây/lần (4-6 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-3 lần) – Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): bón thúc 150- 250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: sau đậu trái/trái phát triển bón 1 - 2 lần).	
--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú:

(*) Mã số phân bón là số gồm năm chữ số thể hiện trên bao bì, nhãn mác;

(**) Viết tắt dạng phân bón: ^(h) - dạng hạt; ^(v) - dạng viên.

(1), (2): chất tăng hiệu suất sử dụng.